



HỢP ĐỒNG
CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ ACB INTERNET BANKING
Số:.....

Hôm nay, ngày.....thángnăm....., tại..... chúng tôi gồm có:

Bên A: NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU –
(sau đây gọi là “ACB”)

Địa chỉ :
Điện thoại : Fax:
Đại diện : Chức vụ:

Bên B: (sau đây gọi là “khách hàng”)

1. Chủ sở hữu tài khoản hay đồng chủ sở hữu tài khoản thứ nhất:

Họ tên :
Số CMND: Nơi cấp: Ngày cấp
Địa chỉ :
Điện thoại: Fax:

2. Đồng chủ sở hữu: (nếu có)

Họ tên :
Số CMND: Nơi cấp: Ngày cấp
Địa chỉ :
Điện thoại: Fax:

Cùng thỏa thuận ký kết Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ ACB Internet banking cho cá nhân với các điều khoản sau:

Điều 1: Giải thích từ ngữ

- Các từ viết tắt và các thuật ngữ sử dụng trong Hợp đồng này và trên các giấy tờ liên quan được hiểu như sau:
 - Chỉ thị Internet banking: Bất kỳ lệnh giao dịch, lệnh đầu tư hay lệnh truy vấn thông tin của khách hàng hay được hiểu là của khách hàng gửi đến ACB qua hệ thống ACB Internet banking.
 - Hệ thống ACB Internet banking: Hệ thống các phương tiện điện tử, quy trình xử lý và chỉ xử lý chỉ thị Internet banking được ACB sử dụng để giao tiếp với khách hàng và, qua đó, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng cho khách hàng thông qua Internet.
 - Dịch vụ ACB Internet banking: Dịch vụ do ACB thực hiện và cung cấp để khách hàng có thể sử dụng các dịch vụ, sản phẩm ngân hàng và tiện ích khác qua hệ thống ACB Internet banking một cách hợp pháp, hợp lệ.
 - Hệ thống thông tin: Hệ thống được tạo lập để gửi, nhận, lưu trữ, hiển thị hoặc thực hiện các xử lý đối với chỉ thị Internet banking.
 - OTP (One Time Password): Mật khẩu sử dụng một lần và chỉ có giá trị trong một khoảng thời gian nhất định. Tùy theo từng phương pháp sinh OTP, khách hàng sử dụng thiết bị để sinh OTP (OTP Token) hay ACB gửi OTP dưới dạng tin nhắn SMS (OTP SMS) tới số điện thoại di động đã đăng ký với ACB của khách hàng.
 - Mật khẩu tĩnh: Mật khẩu sử dụng nhiều lần.
 - Smart card: Thiết bị lưu trữ các thông tin, trong đó có chứng thư điện tử và khóa bí mật tạo chữ ký điện tử, và để tạo chữ ký điện tử. Việc truy xuất các thông tin trên smart card đòi hỏi phải sử dụng đầu đọc smart card và nhập PIN của người sở hữu smart card.
 - Chứng thư điện tử: Thông tin xác nhận khách hàng là người ký chữ ký điện tử.

- i. Chữ ký điện tử: Chữ ký điện tử được tạo lập dưới dạng từ, chữ, số, ký hiệu, âm thanh hoặc các hình thức khác bằng phương tiện điện tử, gắn liền hoặc kết hợp một cách hợp lý với chỉ thị Internet banking, có khả năng xác nhận người ký chỉ thị Internet banking và xác nhận sự chấp thuận của người đó đối với chỉ thị Internet banking được ký. Chữ ký điện tử được nhận dạng thông qua hệ thống thông tin của ACB hoặc do ACB chỉ định. Chữ ký điện tử có giá trị pháp lý như chữ ký bằng tay trên văn bản giấy.
 - j. Mã số truy cập: Mỗi người sử dụng dịch vụ ACB Internet banking sẽ được cấp một mã số truy cập để hệ thống ACB Internet banking định danh.
 - k. Mật khẩu: Được hiểu là mật khẩu tĩnh hay OTP.
 - l. Số dư khả dụng: Là số dư thực cộng hạn mức thấu chi (nếu có) trừ số tiền bị phong tỏa (nếu có) trừ số tiền tối thiểu phải duy trì (nếu có) tính trên tài khoản tiền gửi thanh toán.
 - m. Hạn mức: Hạn mức trong hợp đồng này được hiểu là tổng số tiền lớn nhất của tất cả lệnh giao dịch trong ngày của khách hàng qua hệ thống ACB Internet banking. Hạn mức không tính đến giao dịch chuyển đổi ngoại tệ và chuyển khoản giữa các tài khoản cùng chủ tài khoản. Hạn mức này được hệ thống ACB Internet banking xử lý độc lập với hạn mức khác (nếu có) do khách hàng và ACB đã thỏa thuận khi thực hiện giao dịch trên các kênh giao dịch khác với dịch vụ ACB Internet banking.
 - n. Đồng chủ sở hữu (tài khoản): Hai hay nhiều cá nhân cùng sở hữu một tài khoản tiền gửi thanh toán theo qui định của ACB tại thời điểm ký hợp đồng này.
 - o. Tài khoản hạch toán: Tài khoản của khách hàng mở và duy trì tại ACB dùng để ghi nợ các khoản tiền do ACB thực thi chỉ thị Internet banking. Khách hàng phải đăng ký các tài khoản này với ACB.
 - p. Phần cứng xác thực: Nếu không nêu rõ theo ngữ cảnh, phần cứng xác thực được hiểu là smart card, đầu đọc smart card và OTP token.
 - q. Phương thức chứng thực: Cách thức hệ thống ACB Internet banking chứng thực khách hàng, chứng thực chỉ thị Internet banking.
2. Trong hợp đồng này, “hai bên”, “mỗi bên” hoặc “các bên” dùng để chỉ cả ACB và khách hàng; “bên” dùng để chỉ ACB hoặc khách hàng.

Điều 2: Đối tượng hợp đồng

Hợp đồng này quy định việc ACB cung cấp và khách hàng sử dụng dịch vụ ACB Internet banking.

Đối tượng khách hàng được sử dụng dịch vụ ACB Internet banking: là khách hàng cá nhân người Việt Nam có tài khoản tiền gửi thanh toán VND tại ACB và tuân thủ các yêu cầu về sử dụng dịch vụ ACB Internet banking quy định tại hợp đồng này.

Điều 3: Mã số truy cập, mật khẩu và chứng thư điện tử

1. Khách hàng được ACB cung cấp mã số truy cập, mật khẩu tĩnh ngay sau khi ký hợp đồng này.
2. Tùy theo phương thức chứng thực, ACB hoặc bên thứ ba do ACB chỉ định hoặc chấp thuận sẽ cấp chứng thư điện tử cho khách hàng dựa trên thông tin khách hàng cung cấp.
3. Hạn mức được quy định theo từng phương thức chứng thực.
4. Sau khi nhận smart card và PIN (nếu có) từ ACB, khách hàng phải thay đổi PIN mặc nhiên này để có thể sử dụng được smart card.
5. Khách hàng chỉ sử dụng phần cứng xác thực, chứng thư điện tử quy định trong hợp đồng này cho dịch vụ ACB Internet banking hay dịch vụ khác do ACB quy định theo thời điểm.
6. Việc thay đổi, hủy bỏ, cấp lại mật khẩu tĩnh, chứng thư điện tử và khóa bí mật tạo chữ ký điện tử (nếu có), phần cứng xác thực và PIN (nếu có) được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng (tại các địa điểm giao dịch của ACB) hoặc yêu cầu của ACB và chỉ có giá trị khi ACB xác nhận về việc thay đổi, hủy bỏ, cấp lại đó.
7. Khách hàng đồng ý và chấp thuận rằng mã số truy cập, mật khẩu, chứng thư điện tử và khóa bí mật tạo chữ ký điện tử (nếu có), phần cứng xác thực và PIN (nếu có) chỉ được cấp và cấp riêng cho chủ tài khoản hay từng người đồng chủ sở hữu mà khách hàng đã đăng ký trong “phiếu đăng ký sử dụng dịch vụ ACB Internet banking” đi kèm với hợp đồng này.

Điều 4: Nội dung dịch vụ ACB Internet banking:

Sau khi đã tìm hiểu và nghiên cứu kỹ các yêu cầu để sử dụng dịch vụ ACB Internet banking, bao gồm cả các rủi ro có thể gặp phải khi sử dụng dịch vụ này, khách hàng yêu cầu và ACB đồng ý cung cấp dịch vụ ACB Internet banking gồm các tính năng cho phép thực thi chỉ thị Internet banking như sau:

1. **Lệnh truy vấn thông tin:**
 - Tra cứu số dư tài khoản.
 - Liệt kê các giao dịch trên tài khoản.
 - Các tiện ích khác.
2. **Lệnh giao dịch:**
 - Thanh toán hóa đơn trong nước đối với VND.
 - Chuyển tiền trong nước đối với VND.
 - Chuyển khoản trong nước đối với VND.
 - Chuyển đổi ngoại tệ: chuyển đổi ngoại tệ từ tài khoản tiền gửi thanh toán ngoại tệ sang tài khoản tiền gửi thanh toán VND của khách hàng mở tại ACB.
3. **Lệnh đầu tư:** Lệnh mua, bán, hủy và các loại lệnh khác được xác định theo hợp đồng giao dịch tương ứng và được hai bên xác lập độc lập với hợp đồng này (nếu có).

Điều 5: Phí dịch vụ ACB Internet banking

1. ACB có quyền quy định, áp dụng và thay đổi, bao gồm nhưng không giới hạn, các loại phí liên quan đến dịch vụ ACB Internet banking: Phí thường niên, phí đăng ký sử dụng và ngừng sử dụng dịch vụ ACB Internet banking; Phí duy trì, thay đổi, cấp và cấp lại chứng thư điện tử, phí sử dụng phần cứng xác thực, phí thực thi chỉ thị Internet banking...
2. Các loại phí liên quan đến việc sử dụng dịch vụ ACB Internet banking do ACB quy định theo từng thời kỳ.
3. ACB được quyền trừ ngay các loại phí nêu tại khoản 1, điều 5 của hợp đồng này khi có phát sinh từ tài khoản tiền gửi thanh toán của khách hàng.
4. Khi có sự thay đổi về loại phí, mức phí, ACB sẽ thông báo cho khách hàng qua trang điện tử của ACB hay các hình thức thích hợp khác theo quyết định của ACB. Biểu phí này sẽ có giá trị ràng buộc giữa hai bên nếu khách hàng tiếp tục sử dụng dịch vụ ACB Internet banking sau khi loại phí, biểu phí thay đổi có hiệu lực. Thời gian từ khi ACB thông báo loại phí, biểu phí đến khi loại phí, biểu phí có hiệu lực do ACB quyết định nhưng không nhỏ hơn 30 ngày theo lịch.
5. Phí dịch vụ ACB Internet banking được ACB thu bằng tiền VND.

Điều 6: Cung cấp và bảo hành phần cứng xác thực

1. Phần cứng xác thực do ACB cung cấp cho khách hàng.
2. ACB không bảo hành phần cứng xác thực cho khách hàng, mọi chi phí liên quan đến việc sửa chữa, thay mới phần cứng xác thực (nếu có) kể từ sau thời điểm chuyển giao cho khách hàng do khách hàng chịu.
3. Khi thay đổi chứng thư điện tử và khóa bí mật tạo chữ ký điện tử, khách hàng sẽ phải sử dụng smart card mới.

Điều 7: Thực thi chỉ thị Internet banking

1. Khách hàng gửi các chỉ thị Internet banking đến ACB qua hệ thống ACB Internet banking. Các chỉ thị Internet banking phải được lập với các thông tin chính xác và đầy đủ theo quy định của ACB, được xác nhận bằng mật khẩu và/hay được ký bằng chữ ký điện tử của khách hàng trước khi gửi đến hệ thống thông tin của ACB.
2. Các chỉ thị Internet banking chỉ được xem là đã được ACB nhận được khi và chỉ khi các chỉ thị này đã đi vào hệ thống thông tin của ACB đúng cách qua hệ thống ACB Internet banking.
3. Thời gian thực thi các chỉ thị Internet banking tại ACB:
 - 3.1 Lệnh truy vấn thông tin: ACB thực thi ngay khi nhận được các lệnh này.
 - 3.2 Lệnh giao dịch:
 - a. Trường hợp lệnh giao dịch do ACB độc lập xử lý hoàn tất: ACB thực thi ngay khi nhận được các lệnh này.

- b. Trường hợp lệnh giao dịch cần đến bên thứ ba để xử lý hoàn tất: Các lệnh giao dịch được ACB thực thi trong các ngày làm việc của mình và của bên thứ ba liên quan. Cụ thể như sau
 - Lệnh giao dịch ACB nhận được trước 9h00ph sáng (buổi sáng), trước 15h00ph chiều (buổi chiều): Thực thi ngay trong buổi làm việc.
 - Lệnh giao dịch ACB nhận được sau thời gian trên: Thực thi vào đầu buổi làm việc kế tiếp của ACB và bên thứ ba có liên quan.
- c. Trường hợp ngoại lệ: Tùy theo tình hình thực tế, ngay khi nhận được lệnh giao dịch của khách hàng, ACB sẽ cố gắng thực thi ngay, thời điểm thực thi các lệnh giao dịch này có thể không tuân theo các quy định tại điểm a,b khoản 3.2, điều 7 của hợp đồng này.

3.3 Lệnh đầu tư: Nếu ACB và khách hàng không thoả thuận về thời gian giao dịch với lệnh đầu tư, ACB áp dụng thời gian thực thi lệnh giao dịch quy định tại khoản 3.2, điều 7 của hợp đồng này cho lệnh đầu tư.

- 4. Đối với lệnh giao dịch có liên quan đến việc chuyển đổi ngoại tệ: Tỷ giá chuyển đổi ngoại tệ áp dụng được tính tại thời điểm ACB thực thi lệnh giao dịch.
- 5. Khách hàng chấp nhận rằng bất cứ hành động nào truy cập vào hệ thống ACB Internet banking bằng chính mã số truy cập và mật khẩu của khách hàng và/hay kết hợp phương pháp xác thực khác do ACB cung cấp cho khách hàng để lập chỉ thị Internet banking thì các chỉ thị này được ACB xem là do chính khách hàng chủ quan tạo ra và khách hàng phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của các chỉ thị này. ACB không có trách nhiệm phải áp dụng bất kỳ hình thức kiểm tra tính xác thực nào khác của chỉ thị Internet banking của khách hàng ngoài việc kiểm tra đúng mã số truy cập và mật khẩu và/hay chữ ký điện tử của khách hàng (nếu có).
- 6. Đảm bảo rằng mọi chỉ thị Internet banking do ACB thực thi cho khách hàng đều được khách hàng kiểm tra chặt chẽ, nếu sau thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày chỉ thị Internet banking được ACB thực thi, khách hàng phải chấp nhận các chỉ thị này đã được thực thi, mọi trường hợp khiếu nại sau thời gian này ACB sẽ không chịu trách nhiệm điều tra, giải quyết cho khách hàng. Việc đối chiếu các chỉ thị Internet banking đã được ACB thực thi với chứng từ khác bằng giấy (nếu có) không ảnh hưởng đến giá trị, hiệu lực của chỉ thị này.
- 7. Dữ liệu, thông tin ghi nhận trên hệ thống ACB Internet banking của ACB, dưới bất kỳ hình thức nào, về việc nhận và xử lý các chỉ thị Internet banking của khách hàng cũng như nội dung các chỉ thị này là bằng chứng có giá trị pháp lý rằng khách hàng đã sử dụng dịch vụ ACB Internet banking của ACB và khách hàng chịu trách nhiệm về các chỉ thị mình đã tạo ra này bất chấp các dữ liệu này không phải là bản chính, không có chữ ký của khách hàng, có thể không thể hiện dưới dạng văn bản hay do được tạo bởi hệ thống ACB Internet banking hay khách hàng đã thay đổi các thông tin liên quan đến chỉ thị Internet banking sau khi chỉ thị này đã được ACB xử lý.
- 8. Trong trường hợp ACB cung cấp tính năng đăng ký thẻ tín dụng, đăng ký vay hay các hình thức cấp tín dụng khác trên dịch vụ ACB Internet banking, khách hàng hiểu rằng việc cấp tín dụng thực sự cùng số tiền vay cụ thể phụ thuộc kết quả thẩm định của ACB đối với thông tin do khách hàng cung cấp và các điều kiện liên quan việc cấp tín dụng.
- 9. Trong trường hợp khách hàng có thể quy định cho ACB thời điểm thực thi các chỉ thị Internet banking thì phải chỉ ra ngày cụ thể (“ngày thực thi”), phù hợp với quy định tại khoản 3, 4 điều 7 của hợp đồng này và ACB có quyền thực thi chỉ thị này vào bất kỳ giờ nào trong ngày thực thi. Nếu ngày thực thi không phù hợp với quy định tại khoản 3, 4 điều 7 của hợp đồng này, ACB sẽ thực thi chỉ thị Internet banking vào ngày làm việc của ACB ngay trước hay ngay sau ngày thực thi.
- 10. ACB quy định loại và số tài khoản khách hàng duy trì tại ACB có thể truy cập được trên dịch vụ ACB Internet banking, loại chỉ thị Internet banking phải có chữ ký điện tử, loại chỉ thị Internet banking được dùng với từng phương thức xác thực.
- 11. Tài khoản ghi nợ (nếu có) trong các chỉ thị Internet banking là tài khoản hạch toán.
- 12. Đơn vị thụ hưởng trong các chỉ thị Internet banking (nếu có) là cá nhân hoặc tổ chức Việt Nam.

Điều 8: Quyền và nghĩa vụ của ACB

1. Quyền của ACB:

- a. Từ chối thực thi các chỉ thị Internet banking nếu ACB phát hiện chỉ thị đó, vào thời điểm ACB xử lý, có nội dung không hợp pháp, không hợp lệ hay không có đủ cơ sở để thực hiện xử lý hay ACB phát hiện, nghi ngờ chỉ thị bị lỗi hay phát hiện, nghi ngờ việc thực thi chỉ thị Internet banking đó sẽ vi phạm pháp luật hay không hợp lệ hay số tiền trên chỉ thị Internet banking (nếu có) và phí dịch vụ phát sinh lớn hơn số dư khả dụng trên tài khoản hạch toán hay tổng số tiền của các lệnh giao dịch trong ngày (gồm các lệnh giao dịch đã thực hiện trong ngày và lệnh đang thực hiện) lớn hơn hạn mức hay tài khoản hạch toán bị phong tỏa, không thể chuyển tiền khỏi tài khoản này hay tài khoản thụ hưởng (nếu có) bị đóng hay do yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền không cho thực thi chỉ thị Internet banking đó hay các nguyên nhân nằm ngoài khả năng kiểm soát của ACB ngăn cản ACB thực thi chỉ thị này.
- b. Trong trường hợp cần thiết, ACB được quyền yêu cầu khách hàng cung cấp các văn bản cần thiết để ACB có đủ cơ sở thực thi chỉ thị Internet banking và không chịu trách nhiệm về sự chậm trễ trong việc thực thi chỉ thị này.
- c. Tự động trích tiền trên tài khoản tiền gửi thanh toán của khách hàng tại ACB hay tại ngân hàng khác để thu các loại phí khách hàng còn nợ ACB hay các khoản tiền và phí liên quan ACB hiện đang nợ bên thứ ba hay khách hàng nợ ACB do ACB đã thực thi các chỉ thị Internet banking cho khách hàng.
- d. Không chịu trách nhiệm về bất kỳ thiệt hại nào phát sinh bởi việc không thể hủy bỏ, sửa đổi, chậm thực thi các chỉ thị Internet banking khi các chỉ thị này đã được ACB thực thi. Yêu cầu hủy bỏ, sửa đổi, chậm thực thi các chỉ thị Internet banking được thực hiện qua fax hay các hình thức liên lạc khác được ACB chấp nhận.
- e. Không chịu trách nhiệm về mọi tranh chấp (nếu có) giữa khách hàng và đơn vị thụ hưởng theo chỉ thị Internet banking của khách hàng. ACB thực thi chỉ thị Internet banking của khách hàng trong khoảng thời gian quy định tại khoản 3,4 điều 7 của hợp đồng này, không phụ thuộc vào quan hệ hoặc tranh chấp giữa khách hàng và đơn vị thụ hưởng.
- f. Trong trường hợp khách hàng sau 5 lần đăng nhập không thành công dịch vụ ACB Internet banking, khách hàng sẽ bị hệ thống ACB Internet banking khóa quyền truy cập.
- g. Không chịu trách nhiệm nếu khách hàng sử dụng phần cứng xác thực, thiết bị, phần mềm, tài liệu hay tuân theo các chỉ dẫn liên quan đến dịch vụ ACB Internet banking không do ACB cung cấp hay thậm chí sử dụng dịch vụ ACB Internet banking mạo danh của ACB.
- h. ACB có quyền thay đổi tài liệu liên quan đến dịch vụ ACB Internet banking, địa chỉ Web site để khách hàng truy cập dịch vụ ACB Internet banking; thay đổi, thêm, bớt thông tin trên màn hình trang Web cung cấp dịch vụ ACB Internet banking bao gồm, nhưng không giới hạn ở danh sách các ngân hàng, nhà cung cấp dịch vụ, tỷ giá ngoại tệ, lãi suất cho vay, lãi suất gửi tiền tiết kiệm, giá cổ phiếu, giá vàng mà không cần thông báo cho khách hàng.
- i. Sử dụng hình ảnh, tên tuổi của khách hàng cho các ấn phẩm quảng cáo liên quan đến dịch vụ ACB Internet banking hay gửi thông tin về các dịch vụ ngân hàng của ACB cho khách hàng đến email, điện thoại di động, địa chỉ bưu điện do khách hàng cung cấp cho ACB.
- j. Quyết định chọn tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử, thời gian hiệu lực của: OTP, chứng thư điện tử cấp cho khách hàng và smart card (nếu có); quyết định định dạng mã số truy cập và mật khẩu, hình thức và tính năng của phần cứng xác thực. Quyết định chỉ thị Internet banking nào do ACB độc lập xử lý và chỉ thị Internet banking nào cần đến bên thứ ba để hoàn tất xử lý.
- k. Thực thi các quyền quy định tại các phần khác của hợp đồng này.

2. Nghĩa vụ của ACB:

- a. Thực thi các chỉ thị Internet banking nhận được qua hệ thống ACB Internet banking theo đúng quy định tại điều 7 của hợp đồng này.

- b. Đảm bảo các thông tin về lệnh giao dịch do khách hàng đã cung cấp và nhận lại từ hệ thống ACB Internet banking sẽ đầy đủ các chi tiết cần thiết và đủ tính pháp lý để khách hàng có thể sử dụng với các bên thứ ba.
- c. Trong trường hợp khách hàng thực hiện lệnh giao dịch nhưng số tiền trên lệnh và phí liên quan lớn hơn số dư khả dụng trên tài khoản hạch toán thì lệnh giao dịch này sẽ được ACB lưu giữ trong 1 khoảng thời gian nhất định nhưng không quá 30 ngày theo lịch (tính từ ngày khách hàng lập lệnh giao dịch). Khi khách hàng nộp tiền vào đủ và thông báo cho Trung tâm ngân hàng điện tử - ACB, ACB sẽ thực thi lệnh giao dịch nhưng trong khoảng thời gian phù hợp với quy định tại khoản 3,4 điều 7 của hợp đồng này. Nếu quá thời hạn này mà tài khoản hạch toán vẫn chưa đủ tiền để thực hiện lệnh giao dịch thì lệnh giao dịch này sẽ không còn hiệu lực và ACB sẽ hủy lệnh giao dịch này.
- d. Cung cấp dịch vụ ACB Internet banking trong phạm vi khách hàng đăng ký sử dụng và thoả thuận với ACB. Hướng dẫn khách hàng sử dụng dịch vụ ACB Internet banking.
- e. Không trái với các quy định trong hợp đồng này, ACB sẽ cung cấp tính năng mới, phiên bản mới nhất của dịch vụ ACB Internet banking cho khách hàng khi ACB nâng cấp hoặc chỉnh sửa dịch vụ này.
- f. Trong trường hợp để bảo vệ khách hàng hay theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, quy định của pháp luật hay ACB nghi ngờ khách hàng vi phạm pháp luật, vi phạm hợp đồng này hay các nghĩa vụ khác trong các quan hệ khác với ACB, ACB sẽ tạm ngưng cung cấp một số tính năng hay toàn bộ dịch vụ ACB Internet banking ngay khi lý do trên phát sinh hay khóa quyền sử dụng dịch vụ ACB Internet banking hay khóa quyền sử dụng smart card, OTP token, mã số truy cập, mật khẩu, chứng thư điện tử (nếu có) liên quan đến dịch vụ. Ngay sau đó, ACB sẽ cố gắng liên hệ với khách hàng bằng điện thoại, email hay địa chỉ thư tín quy định trong hợp đồng này hay hình thức khác phù hợp để thông báo về vấn đề này.
- g. Thực thi các nghĩa vụ của ACB quy định tại các phần khác của hợp đồng này.

Điều 9: Quyền và nghĩa vụ của khách hàng

1. Quyền của khách hàng:
 - a. Sử dụng dịch vụ ACB Internet banking trong phạm vi đã thoả thuận với ACB.
 - b. Thay đổi phương thức xác thực.
 - c. Thay đổi hạn mức trong giới hạn cho phép tương ứng với phương thức xác thực.
 - d. Thực thi các quyền của khách hàng quy định tại các phần khác của hợp đồng này.
2. Nghĩa vụ của khách hàng:
 - a. Bảo vệ mật khẩu, mã số truy cập, chứng thư điện tử và khóa bí mật tạo chữ ký điện tử (nếu có), phần cứng xác thực và PIN (nếu có). Một trong những biện pháp bảo vệ có thể: Không đưa các thông tin, phần cứng xác thực này cho người khác kể cả đồng chủ sở hữu; ghi nhớ các thông tin này; không đặt mật khẩu tĩnh, PIN trùng với các thông tin để đoán; thường xuyên đổi mật khẩu tĩnh, PIN (nếu có). Không cho phép trình duyệt lưu mã số truy cập, mật khẩu; Không để người khác sử dụng trình duyệt Web khi chưa thoát khỏi màn hình dịch vụ ACB Internet banking.
 - b. Chịu trách nhiệm vô điều kiện với các chi thị Internet banking được lập bởi mã số truy cập, mật khẩu của khách hàng; chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại xảy ra do mã số truy cập, mật khẩu, khóa bí mật tạo chữ ký điện tử (nếu có) bị lộ, bị đánh cắp, bị lợi dụng vì bất cứ lý do gì, kể cả khi hợp đồng này hết hiệu lực.
 - c. Thông báo ngay cho Trung tâm ngân hàng điện tử - ACB hay điểm giao dịch nơi khách hàng ký hợp đồng này bằng điện thoại để được hướng dẫn xử lý nếu:
 - Khách hàng không thể truy cập hệ thống ACB Internet banking hay nghi ngờ mật khẩu tĩnh, mã số truy cập, khóa bí mật tạo chữ ký điện tử (nếu có), PIN (nếu có) bị lộ và phần cứng xác thực (nếu có) bị mất hay quên mật khẩu tĩnh, mã số truy cập, PIN (nếu có); hay
 - Khách hàng phát hiện bất kỳ một vấn đề bất thường nào hay các sự cố về mặt nghiệp vụ hoặc kỹ thuật liên quan đến sự an toàn trong hoạt động của hệ thống ACB Internet banking.

- d. Thông báo ngay cho Trung tâm ngân hàng điện tử - ACB hay điểm giao dịch nơi khách hàng mở tài khoản qua điện thoại nếu khách hàng, bằng cách nào đó, biết được có chỉ thị Internet banking đang, đã hay sẽ được thực hiện một cách bất hợp pháp trên tài khoản tiền gửi thanh toán hay tài khoản loại khác của khách hàng mở tại ACB.
- e. Sử dụng các biện pháp được cho là hợp lý để giảm thiệt hại cho mình khi có bất kỳ sự cố nào xảy ra liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến việc khách hàng sử dụng dịch vụ ACB Internet banking nhưng không được gây thiệt hại cho ACB dưới bất kỳ hình thức nào.
- f. Khi khách hàng có yêu cầu cấp lại chứng thư điện tử và khóa bí mật tạo chữ ký điện tử (nếu có), smart card, OTP token khách hàng phải thông báo trước cho ACB một tháng. Các nội dung thay đổi thực hiện bằng văn bản theo mẫu ACB quy định.
- g. Kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ các thông tin của bên thứ ba cung cấp trên màn hình dịch vụ ACB Internet banking trước khi sử dụng.
- h. Kiểm tra các thông tin, dưới bất kỳ hình thức nào, nhận được từ bất kỳ nguồn nào liên quan đến dịch vụ ACB Internet banking trước khi sử dụng, kể cả địa chỉ Web site để truy cập dịch vụ ACB Internet banking.
- i. Thường xuyên kiểm tra trạng thái thực hiện chỉ thị Internet banking của mình và thông báo ngay cho Trung tâm Ngân hàng điện tử - ACB nếu chỉ thị không được ACB xử lý sau một khoảng thời gian hợp lý theo thông lệ của ngành Ngân hàng và theo quy định tại khoản 3,4 điều 7 của hợp đồng này.
- j. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật và ACB về việc mở, sử dụng tài khoản và chuyển khoản, chuyển tiền.
- k. Hợp tác và cung cấp chính xác tất cả thông tin liên quan đến việc sử dụng dịch vụ ACB Internet banking khi ACB có yêu cầu;
- l. Đảm bảo các thông tin liên quan đến khách hàng được cung cấp trong và theo hợp đồng này là chính xác, đầy đủ cũng như cập nhật ngay các thông tin này khi thay đổi.
- m. Cung cấp đầy đủ giấy tờ chứng minh chủ tài khoản và đồng chủ sở hữu (nếu có) khi ký hợp đồng này.
- n. Tuân theo các thủ tục đăng ký, chỉ dẫn liên quan đến dịch vụ ACB Internet banking của ACB hay đơn vị, cá nhân được ủy quyền.
- o. Chấp nhận vô điều kiện để ACB lấy lại tiền đã chuyển nhầm, chuyển thừa vào tài khoản của khách hàng do lỗi của hệ thống ACB Internet banking hay do lỗi trong lệnh giao dịch hay do lỗi của khách hàng khác trong quá trình lập lệnh giao dịch cho mình.
- p. Không sử dụng hình ảnh, logo, thương hiệu của ACB hay có liên quan đến dịch vụ ACB Internet banking khi chưa được sự đồng ý của ACB.
- q. Có đủ tiền trên tài khoản thanh toán khi các chỉ thị Internet banking được ACB xử lý.
- r. Thanh toán đầy đủ các khoản phí cho ACB theo quy định tại điều 5 của hợp đồng này và các khoản nợ phát sinh dưới bất kỳ hình thức nào, kể cả thuế, liên quan đến việc ACB thực thi chỉ thị Internet banking của khách hàng.
- s. Thực thi các nghĩa vụ của khách hàng quy định tại các phần khác của hợp đồng này.

Điều 10: Thiết bị và chương trình máy tính

1. Hệ thống ACB Internet banking sử dụng các thuật toán mã hóa, mà việc sử dụng các thuật toán này và độ dài khóa có thể bất hợp pháp tại một số nước. ACB không chịu trách nhiệm nếu khách hàng không sử dụng được dịch vụ ACB Internet banking tại những nước này hay vi phạm luật pháp của nước này khi sử dụng dịch vụ ACB Internet banking.
2. Dịch vụ ACB Internet banking được cung cấp đến khách hàng qua Internet và khách hàng có thể truy cập dịch vụ qua các trình duyệt Web hay chương trình do ACB cung cấp, quy định. ACB không chịu trách nhiệm về việc máy tính hay thiết bị truy cập dịch vụ ACB Internet banking của khách hàng bị hư hỏng, mất dữ liệu, chương trình máy tính bị xóa hay chạy không ổn định.
3. ACB quy định nhà cung cấp dịch vụ truyền thông (bao gồm công ty cung cấp dịch vụ viễn thông di động, công ty cung cấp dịch vụ Internet - ISP), loại thiết bị (bao gồm cả điện thoại di động, máy tính), loại hệ điều hành thiết bị, loại chương trình phụ trợ (nếu có), loại trình duyệt Web, cấu hình thiết bị, cấu hình hệ điều hành thiết bị, cấu hình trình duyệt Web, cấu

hình chương trình phụ trợ (nếu có) để có thể sử dụng được với dịch vụ ACB Internet banking và chỉ chấp nhận các chỉ thị Internet banking đến từ hệ thống này hay ACB gửi thông tin liên quan đến việc thực thi chỉ thị Internet banking của khách hàng đến khách hàng qua hệ thống này. Khi có nhiều phiên bản trình duyệt Web, chương trình phụ trợ hay hệ điều hành, ACB có quyền từ chối hỗ trợ khách hàng sử dụng dịch vụ ACB Internet banking trên các phiên bản cũ.

4. Khách hàng tự trang bị đầy đủ, bảo trì các chương trình máy tính cùng thiết bị cần thiết theo quy định của ACB để có thể sử dụng an toàn dịch vụ ACB Internet banking cũng như tự chịu trách nhiệm về bản quyền, sở hữu trí tuệ sử dụng các thiết bị, chương trình máy tính này; Ngoài ra, khách hàng tự chịu các chi phí liên quan khác (ví dụ: chi phí sử dụng điện thoại, điện, đường truyền mạng) để có thể sử dụng dịch vụ ACB Internet banking.
5. Khách hàng xóa các chương trình phụ trợ khỏi máy tính, trả lại ACB các thiết bị, xóa các chương trình do ACB cung cấp liên quan đến dịch vụ ACB Internet banking của ACB (nếu có) khi hợp đồng này chấm dứt.

Điều 11: Bảo mật thông tin

1. Khách hàng cam kết không được cung cấp thông tin của ACB liên quan đến việc cung cấp dịch vụ ACB Internet banking theo hợp đồng này và những thông tin về dịch vụ ACB Internet banking cho bất kỳ bên thứ 3 nào khác trừ trường hợp cung cấp thông tin cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hay được sự đồng ý của ACB.
2. ACB chỉ cung cấp các thông tin liên quan đến khách hàng, thông tin về giao dịch của khách hàng cho bên thứ ba khi được sự cho phép của khách hàng hoặc theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, theo quy định của pháp luật hay cung cấp cho nhân viên của ACB, bên thứ ba khi các nhân viên này, bên thứ ba cần phải biết thông tin để thực thi chỉ thị Internet banking của khách hàng hay giải quyết các tranh chấp (nếu có) giữa khách hàng và ACB liên quan đến việc thực hiện hợp đồng này.
3. Các bên phải chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật khi vi phạm quy định bảo mật thông tin.
4. Điều khoản này vẫn còn hiệu lực sau khi hợp đồng này chấm dứt.

Điều 12: Rủi ro và xử lý rủi ro

1. ACB được miễn trừ trách nhiệm pháp lý thực hiện các nghĩa vụ trong hợp đồng này vì các lý do gây ra bởi khách hàng, hay bởi sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát, phòng ngừa và dự kiến của ACB. Sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát, phòng ngừa và dự kiến của ACB có thể là sự cố cản trở ACB thực hiện nghĩa vụ hợp lý của mình bao gồm và không giới hạn bởi sét đánh, hỏa hoạn, lũ lụt, bãi công, đình công, chiến tranh, thông tin do ACB gửi (bao gồm OTP dạng OTP SMS) không tới được khách hàng hoặc do bên thứ ba không tham gia hợp đồng gây nên, những sự cố về điện, sự cố về truyền thông, sự cố về hệ thống thanh toán liên ngân hàng hay hệ thống của bên thứ ba có liên quan đến việc ACB xử lý chỉ thị Internet banking của khách hàng, sự cố về hệ thống thông tin, hệ thống Ngân hàng điện tử bị tin tặc tấn công hay do các nguyên nhân trên nên không hoạt động hay có hoạt động nhưng khách hàng không sử dụng được hay khách hàng sử dụng được nhưng các chỉ thị Internet banking bị lỗi, thay đổi khi ACB nhận được, các sự cố hợp lý không thể tránh khỏi hay do nguyên nhân gây nên bởi luật pháp, quyết định của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
2. ACB không chịu bất cứ trách nhiệm nào khi sự cố xảy ra do nguyên nhân kỹ thuật thuộc trang thiết bị của khách hàng hoặc do lỗi vô ý, cố ý của khách hàng gây ra hoặc do các rủi ro xảy ra với việc sử dụng dịch vụ ACB Internet banking của khách hàng
3. Khách hàng miễn trừ cho ACB mọi trách nhiệm pháp lý và thiệt hại xảy ra do số lượng chỉ thị Internet banking mà ACB nhận được vượt quá năng lực xử lý của ACB tại thời điểm phải xử lý theo quy định trong hợp đồng này dẫn đến ACB không thể hay thực thi chậm các chỉ thị Internet banking này.

Điều 13: Xử lý vi phạm

Bên nào vi phạm hợp đồng này hoặc có lỗi gây ra thiệt hại cho bên kia sẽ phải chịu trách nhiệm bồi thường về mọi thiệt hại và tổn thất trực tiếp hay gián tiếp cho bên bị thiệt hại, bao

gồm cả trách nhiệm đối với bên thứ ba do hậu quả của việc vi phạm hay lỗi của bên vi phạm gây ra, theo quy định của pháp luật.

Điều 14: Thời hạn hiệu lực và chấm dứt hợp đồng

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi các bên có thỏa thuận khác về việc chấm dứt hợp đồng.
2. Nếu một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng thì phải báo trước 30 ngày cho bên kia.
3. Các trường hợp chấm dứt hợp đồng không phụ thuộc thỏa thuận của hai bên:
 - a. Vì lý do nằm ngoài tầm kiểm soát, phòng ngừa và dự kiến của ACB, ACB không còn khả năng cung cấp dịch vụ này; hay khách hàng không còn thuộc đối tượng sử dụng dịch vụ ACB Internet banking theo quy định trong hợp đồng này hay đại diện ủy quyền thực hiện hợp đồng này của khách hàng không được ACB chấp thuận.
 - b. Nếu một trong hai bên có hành vi vi phạm qui định tại hợp đồng này, bên bị vi phạm có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng ngay sau khi thông báo cho bên vi phạm.
4. Trong mọi trường hợp chấm dứt hợp đồng, các bên đều phải hoàn tất nghĩa vụ của mình đối với bên kia.
5. Khi khách hàng muốn kết thúc hợp đồng, khách hàng hay đại diện ủy quyền hợp pháp (nếu pháp luật cho phép) tới địa điểm giao dịch của ACB và thực hiện theo thủ tục qui định

Điều 15: Sửa đổi hợp đồng

1. Khi ACB cung cấp tính năng mới của dịch vụ ACB Internet banking và việc khách hàng chấp nhận hay không chấp nhận sử dụng tính năng này không ảnh hưởng đến tính pháp lý và hiệu lực của hợp đồng này.
2. Trừ các trường hợp được quy định rõ theo ngữ cảnh, ACB có thể sửa đổi các điều khoản hợp đồng này bằng cách đưa ra các phân sửa đổi này trên Web site của ACB hay màn hình dịch vụ ACB Internet banking. Nếu khách hàng không đồng ý với các điều khoản này, khách hàng có thể chọn chấm dứt hợp đồng; việc khách hàng tiếp tục sử dụng dịch vụ ACB Internet banking xem như khách hàng đồng ý với các sửa đổi đó.
3. Các sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm đối với hợp đồng này được ACB và khách hàng chấp thuận, là một phần của hợp đồng này. Các bên có trách nhiệm tuân theo các sửa đổi, bổ sung đó.
4. Trong trường hợp hợp đồng này được sửa đổi nhiều lần, chỉ có lần sau cùng có giá trị pháp lý và ràng buộc các bên.

Điều 16: Thông báo

1. Thông báo của khách hàng cho ACB chỉ được xem là đã nhận nếu thông báo đó được gửi bằng văn bản cho ACB theo địa chỉ đã nêu trong hợp đồng này và được xác nhận là đã nhận.
2. Khách hàng được xem là đã nhận thông báo của ACB nếu thông báo được gửi:
 - a. Bằng thư và thời điểm nhận là thời điểm theo dấu bưu điện;
 - b. Bằng fax và thời điểm nhận là thời điểm ACB thực hiện fax;
 - c. Bằng email và thời điểm nhận là thời điểm email ra khỏi hệ thống email của ACB ;
 - d. Gửi trực tiếp và thời điểm nhận là thời điểm khách hàng hoặc bất kỳ cá nhân nào nhận thông báo tại địa chỉ của khách hàng nêu tại hợp đồng này.
 - e. Trường hợp ACB thông báo trên Web site của ACB hoặc niêm yết thông báo tại quầy giao dịch, khách hàng được xem là đã nhận, kể từ thời điểm ACB hoàn tất việc đăng thông tin trên Web site hoặc ACB hoàn tất việc niêm yết thông tin tại quầy giao dịch.
3. Không trái với quy định tại khoản 1, 2 điều 16 của hợp đồng này, trường hợp có điều khoản nào của hợp đồng này quy định thông báo được lập dưới hình thức nhất định thì các bên phải thực hiện việc thông báo theo quy định đó.
4. Trong trường hợp có nhiều đồng chủ sở hữu thì 1 trong các đồng chủ sở hữu sẽ đại diện cho các chủ sở hữu khác trong các liên lạc với ACB.

Điều 17: Các điều khoản khác

1. Ngày và giờ quy định trong hợp đồng này theo giờ và dương lịch Việt nam.

2. Trong trường hợp có nhiều đồng chủ sở hữu tài khoản hạch toán:
 - Tất cả các đồng chủ sở hữu tài khoản hạch toán phải cùng tham gia ký tên và chịu ràng buộc bởi hợp đồng này bất chấp việc phát sinh đồng chủ sở hữu trước hay sau thời điểm khách hàng ký hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ ACB Internet banking với ACB.
 - ACB giữ quyền quyết định số tài khoản hạch toán khách hàng được sử dụng với dịch vụ ACB Internet banking tính trên hợp đồng này.
 - Mỗi đồng chủ sở hữu phải sử dụng một phương thức chứng thực với mã số truy cập, mật khẩu và chứng thư điện tử cùng khóa bí mật tạo chữ ký điện tử riêng (nếu có).
 - Mỗi đồng chủ sở hữu có quyền độc lập đưa ra các chỉ thị Internet banking trên hệ thống ACB Internet banking và trong phạm vi hạn mức đã đăng ký với ACB. ACB sẽ thực thi các chỉ thị Internet banking theo quy định tại điều 7 hợp đồng này mà không cần tham khảo ý kiến của các đồng chủ sở hữu khác.
3. Các ràng buộc giữa khách hàng và ACB về hạn mức giao dịch trên tài khoản, số đồng chủ sở hữu tài khoản cùng thực hiện giao dịch khi khách hàng thực hiện giao dịch qua dịch vụ ACB Internet banking không phụ thuộc các ràng buộc khác giữa khách hàng và ACB khi thực hiện các giao dịch tại quầy giao dịch của ACB, hay các kênh giao dịch khác với dịch vụ ACB Internet banking.
4. Trong trường hợp bất kỳ điều khoản nào hay một phần của điều khoản nào bị vô hiệu bởi pháp luật cũng sẽ không ảnh hưởng đến hiệu lực của các phần khác của hợp đồng này.
5. Mọi bất đồng trong quá trình thực hiện hợp đồng này được hai bên thương lượng trên tinh thần hợp tác và cùng có lợi. Trong trường hợp có tranh chấp phát sinh không thể giải quyết được thông qua thương lượng, thì tranh chấp đó sẽ được đưa ra Tòa án Nhân dân có thẩm quyền của Việt nam để giải quyết.
6. Phiếu đăng ký sử dụng dịch vụ ACB Internet banking kèm theo hợp đồng này thể hiện tên, chữ ký của khách hàng sử dụng dịch vụ ACB Internet banking bao gồm cả số fax, số điện thoại, email, chứng minh nhân dân của khách hàng, thể hiện việc đăng ký các tài khoản giao dịch của khách hàng, hạn mức và phương thức chứng thực là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng này.
7. Trong trường hợp hợp đồng này hay màn hình dịch vụ ACB Internet banking được lập hay thể hiện dưới nhiều thứ tiếng thì chỉ có bản tiếng Việt có giá trị pháp lý, các bản dịch dưới các thứ tiếng khác tiếng Việt chỉ có giá trị tham khảo.
8. Các vấn đề không được quy định trong hợp đồng này sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật.
9. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, được lập thành 02 (hai) bản mỗi bên giữ 01 bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN ACB

KHÁCH HÀNG

PHỤ LỤC 01

PHIẾU ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG DỊCH VỤ ACB INTERNET BANKING

Kính gửi : **NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU** –

Họ tên chủ tài khoản:.....
Sau khi đã xem xét các quy định trong **Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ ACB Internet banking**, tôi yêu cầu ACB cung cấp dịch vụ ACB Internet banking với các thông tin sau:

I. Số tài khoản hạch toán dùng trong dịch vụ ACB Internet banking:

(nhiều số tài khoản thì cách nhau bởi dấu chấm phẩy (;))

.....
.....

II. Phương thức xác thực: Chọn 1 trong các phương thức bằng cách đánh dấu vào ô tương ứng:

Mã số truy cập, mật khẩu tĩnh.

Ghi chú: hạn mức tối đa của phương thức này là 0đ/1ngày giao dịch.

Mã số truy cập, mật khẩu tĩnh, chứng thư điện tử

Ghi chú: hạn mức tối đa của phương thức này là 5.000.000đ/1ngày giao dịch.

Mã số truy cập, mật khẩu tĩnh, OTP SMS

Ghi chú: hạn mức tối đa của phương thức này là 20.000.000đ/1ngày giao dịch.

Mã số truy cập, mật khẩu tĩnh, OTP, chứng thư điện tử

Ghi chú: hạn mức tối đa của phương thức này là 50.000.000đ/1ngày giao dịch.

Mã số truy cập, mật khẩu tĩnh, OTP token

Ghi chú: hạn mức tối đa của phương thức này là 100.000.000đ/1ngày giao dịch.

Mã số truy cập, mật khẩu tĩnh, smart card có tích hợp chứng thư điện tử và khóa bí mật tạo chữ ký điện tử:

Ghi chú: Hạn mức tối đa của phương thức xác thực này do khách hàng tự chọn, khách hàng có thể chọn không hạn mức.

Với phương thức xác thực này: Để thuận tiện trong quá trình cấp phát smart card, khách hàng đồng ý ủy quyền cho ACB đăng ký và nhận chứng thư điện tử, khóa bí mật tạo chữ ký điện tử (nếu do bên thứ ba cấp phát). Như vậy, khách hàng đồng ý để ACB thay địa chỉ email của mình bằng địa chỉ email của ACB (ebanking@acb.com.vn) trong nội dung chứng thư điện tử.

III. Người sử dụng dịch vụ ACB Internet banking được ngân hàng cung cấp phương thức xác thực như đã đăng ký ở mục II có tên và thông tin liên quan liệt kê sau đây:

Họ tên chủ tài khoản/đồng chủ sở hữu thứ nhất : _____

Email : _____

ĐTDD: _____ (bắt buộc đăng ký nếu dùng OTP SMS)

Phương thức xác thực: _____

Hạn mức(*): _____

Họ tên đồng chủ sở hữu tài khoản thứ hai (nếu có và muốn sử dụng dịch vụ ACB Internet banking) : _____

Email : _____

ĐTDD: _____ (bắt buộc nếu dùng OTP SMS)

Phương thức xác thực: _____

Hạn mức(*): _____

IV. Cam kết của khách hàng:

- Các thông tin trên đây về hạn mức giao dịch trên tài khoản, số đồng chủ sở hữu tài khoản cùng thực hiện giao dịch, . . . không phụ thuộc các ràng buộc khác giữa khách hàng và ACB khi thực hiện các giao dịch tại quầy giao dịch của ACB, hay các kênh giao dịch khác với kênh ACB Internet banking.
- Tôi xác nhận những thông tin trên đây hoàn toàn đúng sự thật. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về các thông tin đã cung cấp.

. . . Ngày tháng năm 20

Chủ tài khoản/Đồng chủ sở hữu thứ nhất
Ký và ghi rõ họ tên

Đồng chủ sở hữu khác ()**
Ký và ghi rõ họ tên

PHẦN DÀNH CHO ACB

Ngày cấp mã số truy cập, mật khẩu tĩnh/...../.....

Họ tên nhân viên thực hiện:

Chữ ký nhân viên thực hiện:

Kiểm soát

()*: hạn mức tối đa tùy thuộc vào phương thức xác thực khách hàng đăng ký trong mục II

*(**)*: sử dụng cho loại tài khoản tiền gửi thanh toán nhiều đồng chủ sở hữu, tất cả các đồng sở hữu đều phải đồng ý ký tên trên phiếu đăng ký này.